

Bản án số: **132/2023/HSST**

Ngày: 28/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Lan**

2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Bích** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Chính** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 144/2023/TLST - HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy B, sinh năm 1989 tại Hà Tĩnh. Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **tổ F, Khu phố A, Phường A, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**; Chỗ ở hiện nay: **tổ E, ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai**; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1957 (còn sống) và bà **Hán Thị C**, sinh năm 1962 (còn sống); Gia đình có 05 anh, chị, em, bị cáo là con lớn thứ hai trong gia đình; **H1** và tên vợ: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1994 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự:

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 đến ngày 30/8/2023 bị tạm giam cho đến ngày 23/11/2023 tại Nhà tạm giữ **công an huyện C**. Từ ngày 24/11/2023 đến ngày 28/11/2023 được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Từ ngày 29/11/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bị hại:* Anh **Lê Tấn L**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

** Người làm chứng:* Anh **Lê Hoàng T1**, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Nguyễn Duy B** là hàng xóm với bà **Ngô Thị M**, sinh năm: 1969, cư trú tại **ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai**. Từ khoảng tháng 6 năm 2022, bà **M** mượn của **B** tổng số tiền 35.000.000 đồng với lãi xuất là 2%/tháng để chi tiêu cá nhân và đã trả cho **B** số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại **B** số tiền 10.000.000 đồng. Do nhiều lần đòi bà **M** trả lại số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất nhưng không được nên khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 07/8/2023, **B** đến tìm bà **M** để đòi số tiền còn thiếu nhưng bà **M** không có ở nhà, lúc này chỉ có anh **Lê Tấn L**, sinh năm 1994, là con trai của bà **M** ở nhà nên **B** nói cho **L** biết việc bà **M** còn nợ tiền của **B** và yêu cầu **L** giải quyết. **L** không đồng ý và nói với **B** để bà **M** về gặp Bình giải quyết nhưng **B** không chịu. Sau đó, **B** về nhà lấy 01 con dao rựa, dài khoảng 60cm rồi điều khiển xe mô tô biển số 72F1- 421.25 tiếp tục đến gặp **L** để uy hiếp, bắt **L** trả tiền nợ thay cho bà **M**. Tại đây, **B** yêu cầu **L** gọi điện cho bà **M** để đòi tiền, khi bà **M** nói chuyện với **L** và yêu cầu được gặp **B** nhưng **B** không nghe máy và nói “Tao chỉ biết mày thôi, giờ mày phải trả tao mười triệu” thì **L** trả lời “Tiền đó ba mẹ em mượn, em đâu biết đâu”. Sau đó, **B** yêu cầu **L** phải trả số tiền 10.000.000 đồng nhưng **L** không có tiền để trả nên **B** đã cầm dao chỉ vào phía xe mô tô biển số 72E1-771.64 là tài sản của **L** và nói: “giờ mày không có tiền thì tao lấy xe”. Tiếp đó, **B** lấy điện thoại gọi cho **Lê Hoàng T1**, sinh năm 1996, ngụ tại **ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai** đến và nói **T1** chạy xe mô tô biển số 72F1-421.25 của **B** về, còn **B** ở lại lấy xe mô tô biển số 72E1-771.64 của **L**. Thấy vậy, **L** nói “Anh lấy xe em thì em lấy xe đâu đi làm” thì **B** nói “Tao không cần biết, khi nào có đủ tiền thì lên lấy xe”. Sau đó, **B** dắt xe mô tô biển số 72E1-771.64 của **L** ra cổng rồi cầm dao chỉ vào người **L**, yêu cầu **L** lấy chìa khóa xe cho **B** và lấy hết đồ trong cốp xe ra. Vì sợ hãi nên **L** không dám ngăn cản **B** và làm theo như **B** yêu cầu. Sau khi **B** lấy được xe mô tô trên dờn đi, **L** gọi điện thoại cho bà **M** thông báo rồi gọi điện trình báo sự việc tới Cơ quan Công an. Khi **Công an xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai** đến nhà **B** giải thích, yêu cầu **B** trả lại xe đã chiếm đoạt cho **L** thì **B** đồng ý và cùng Công an viên dắt xe mô tô biển số 72E1-771.64 đến trả lại cho **L**. Khi mang xe đến trả cho **L**, **B** nói **L** trả cho **B** một nửa số tiền mẹ của **L** còn thiếu nợ **B** (tức năm triệu đồng), **L** đồng ý. Chiều ngày 07/8/2023, **L** đã chuyển khoản cho **B** số tiền 5.000.000 đồng như **B** yêu cầu.

Ngày 21/8/2023, anh **Lê Tấn L** và bà **Ngô Thị M** đã có đơn tố giác **Nguyễn Văn B1** về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 23/8/2023, Cơ quan Công an đã mời **B1** đến trụ sở để làm việc, tại đây **B1** đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Kết luận giám định giá trị tài sản số 40/KL - HĐĐG ngày 04/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự **huyện C**, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đỏ đen xám, biển số: 72E1-771.64, mua lại tháng 7 năm 2023, có giá trị là: 32.000.000 đồng x 95% = 30.400.000 đồng.

*** Vật chứng vụ án:**

- 01 (một) xe mô tô biển số: 72E1-771.64, nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ đen xám. Đây là tài sản thuộc sở hữu của anh **Lê Tấn L** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** đã trả lại cho anh **L** theo đúng quy định của pháp luật.

- 01 xe mô tô biển số: 72F1- 421.25, nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo **Nguyễn Duy B**, không liên quan đến hành vi cưỡng đoạt tài sản, đã trả lại cho bị cáo **B** theo quy định.

- 01 con dao dài 62cm, có cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại.

* **Về trách nhiệm dân sự:** hai bên đã tự thỏa thuận và người bị hại không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 138/CT- VKSCM ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo **Nguyễn Duy B** về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại đã nhận lại tài sản và làm đơn bãi nại cho bị cáo; ngoài ra ông cố nội của bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện tại đang phải nuôi con sinh năm 2017 bị bệnh bại não nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy B** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 65, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy B** mức án tù: 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Phân trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự nên đề nghị không xem xét.

Vật chứng vụ án: 01 con dao dài 62cm, có cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy. Các vật chứng còn lại đã xử lý phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt tài sản của mình. Phần tranh luận bị cáo đồng ý với mức án Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo không tranh luận và cũng không bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nói lời sau cùng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện C**,

Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa bị cáo B đã khai nhận, vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 07/8/2023, tại nhà anh Lê Tấn L thuộc ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai, bị cáo đã có hành dùng dao rựa đe dọa, uy hiếp chiếm đoạt xe mô tô biển số 72E1-771.64 của anh Lê Tấn L nhằm mục đích cản trở khoản tiền nợ của ba mẹ anh L. Tổng giá trị tài sản bị cáo cưỡng đoạt của anh L theo kết luận giám định giá trị tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 04/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận có tổng giá trị là 30.400.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa trùng khớp với lời khai ban đầu, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng số 138 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy: Bị cáo là một công dân có đầy đủ nhận thức và năng lực hành vi dân sự, bị cáo nhận thức rõ việc cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo đã có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần của bị hại để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương.

Xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội cho thấy: do muốn người khác phải trả nợ cho mình nên bị cáo đã không kiềm chế được bản thân và dẫn đến hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại đã nhận lại tài sản và làm đơn bãi nại đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; ngoài ra bị cáo có ông cố nội Nguyễn Duy C1 là người có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện tại đang phải nuôi con Nguyễn Trường T2, sinh năm 2017 bị bệnh bại não. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự được xem xét để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về quyết định hình phạt:

Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có nhân thân tốt. Có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đối chiếu các điều kiện áp dụng án treo được quy định tại Nghị quyết số 02/2018 và Nghị quyết số 01/2022 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018 thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 con dao dài 62cm, có cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Các vật chứng còn lại đã xử lý phù hợp quy định của pháp luật nên không xem xét.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với việc **Lê Hoàng T1**, khi **T1** giúp **B** chạy xe của **B** về, **T1** hoàn toàn không biết việc **B** đang cưỡng đoạt tài sản của **L** nên không phạm tội.

- Đối với hành vi yêu cầu **Lê Tấn L** phải trả số tiền 5.000.000 đồng là việc thỏa thuận giữa **Nguyễn Duy B** và **Lê Tấn L**, không có sự uy hiếp, đe dọa, anh **L** trình bày số tiền trên **L** trả thay cho cha mẹ và không yêu cầu bị cáo **B** phải trả lại, do đó không cấu thành tội phạm là phù hợp quy định của pháp luật

- Đối với hành vi **Nguyễn Duy B** cho vay tiền, không cầm cố tài sản với lãi suất cho vay là 24%/năm vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm), Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** chuyển hồ sơ và tài liệu có liên quan đến hành vi vi phạm của **Nguyễn Duy B** đến **Ủy ban nhân dân huyện C** để xử phạt theo quy định là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội và mức hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy B** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nghị quyết số: 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018;

Nghị quyết số 01/2022 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018;

+ **Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Duy B**: **02** (hai) năm tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Duy B** cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh **Đồng Nai** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

3. Về vật chứng vụ án: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 62cm, có cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại (*vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/11/2023*).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Duy B** phải nộp 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS tỉnh Đồng Nai;
- STP tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Cẩm Mỹ;
- VKS huyện Cẩm Mỹ;
- THA.DS huyện Cẩm Mỹ;
- THA hình sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên